

ĐỀ MINH HỌA SỐ 15
KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
 (Đề thi có 08 trang)
Môn thi: TIẾNG ANH
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Phần 1	
1. A	2. C
3. D	4. B
5. C	6. B
Phần 2	
7. C	8. C
9. A	10. D
11. B	12. D
Phần 3	
13. D	14. B
15. C	16. C
17. B	
Phần 4	
18. C	19. A
20. A	21. C
22. C	

Phần 5	
23. C	24. C
25. C	26. B
27. D	28. C
29. C	30. C
Phần 6	
31. D	32. C
33. A	34. C
35. A	36. B
37. D	38. D
39. A	40. B

Read the following advertisement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.

DỊCH BÀI

LẬP KẾ HOẠCH CHO BUỔI SUM HỌP GIA ĐÌNH HOÀN HẢO Bạn có đang cảm thấy lo lắng về việc tổ chức buổi họp mặt gia đình sắp tới? Trên thực tế, nó dễ dàng hơn bạn nghĩ! Một cuộc đoàn tụ gia đình được lên kế hoạch chu đáo có thể là một sự kiện đáng nhớ suốt đời mà mọi người sẽ trân trọng trong nhiều năm tới.

Hãy bắt đầu bằng cách thành lập một hội đồng gồm các thành viên gia đình giàu kinh nghiệm. Nhóm này nên bao gồm các thành viên gia đình ở mọi lứa tuổi để đảm bảo có nhiều góc nhìn khác nhau. Khi lựa chọn các hoạt động, hãy cân nhắc các lựa chọn có thể thu hút mọi lứa tuổi. Có thể hữu ích nếu cung cấp một biên bản về những buổi họp mặt trước đây, nhấn mạnh những khoảnh khắc quan trọng của chúng để lấy cảm hứng.

Hãy nhớ rằng, mục tiêu là tạo ra những kỷ niệm lâu dài và củng cố mối quan hệ gia đình. Cho dù chọn chơi các trò chơi truyền thống hay cùng nhau thử những trải nghiệm mới, hãy đảm bảo đưa vào các hoạt động khuyến khích sự tương tác và vui vẻ!

PLANNING THE PERFECT FAMILY REUNION

Are you feeling (1) _____ about organizing your next family gathering? In fact, it's easier than you think! A well-planned family reunion can be a (2) _____ that everyone will cherish for years to come.

Start by forming a committee (3) _____ of experienced family members. This group should include family members (4) _____ all age ranges to ensure diverse perspectives. When choosing activities, consider options that will appeal to all age groups. It might be helpful to (5) _____ an account of past reunions, highlight their key moments to get inspiration.

Remember, the goal is to create lasting memories and strengthen family bonds. Whether to opt (6) _____ traditional games or try new experiences together, make sure to include activities that encourage interaction and fun!

(Adapted from *Practical English Usage*)

Question 1 [698709]: A. worried B. worrying C. worriedly D. worry

Kiến thức về từ loại

*Xét các đáp án:

- A. worried /'wɜːrɪd/ (a): cảm thấy lo lắng
- B. worrying /'wɜːrɪŋ/ (a): đáng lo ngại
- C. worriedly /'wɜːrɪdli/ (adv): một cách lo lắng
- D. worry /'wɜːrɪ/ (n/v): sự lo lắng; lo lắng, lo nghĩ

Căn cứ vào "feel" ta suy ra chỗ trống cần một tính từ (theo quy tắc sau động từ tri giác +adj)

Tạm dịch: Are you feeling (1) _____ about organizing your next family gathering? (*Bạn có đang cảm thấy lo lắng về việc tổ chức buổi họp mặt gia đình sắp tới không?*)

Ta có:

- **Adj (ing): chỉ bản chất của chủ thể**

- **Adj (ed) chỉ tâm trạng, cảm xúc của chủ thể**

Căn cứ vào ngữ nghĩa, A là đáp án phù hợp.

Question 2 [698710]: A. memory lifelong event
C. lifelong memory event

B. lifelong event memory
D. event lifelong memory

Kiến thức về trật tự từ

Ta có cụm danh từ: **memory event: sự kiện đáng nhớ; sự kiện kỷ niệm**

Ta có quy tắc: **Tính từ đứng trước danh từ** ⇒ tính từ **"lifelong"** phải đứng trước cụm danh từ **"memory event"**

→ ta có trật tự đúng: **lifelong memory event**

Tạm dịch: A well-planned family reunion can be a (2) _____ that everyone will cherish for years to come.

(Một cuộc đoàn tụ gia đình được lên kế hoạch chu đáo có thể là một sự kiện đáng nhớ suốt đời mà mọi người sẽ trân trọng trong nhiều năm tới.)

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 3 [698711]: A. which comprises B. to comprise C. comprising D. comprised

Kiến thức về rút gọn mệnh đề quan hệ:

Ta có: Trong một câu không thể có 2 động từ chính cùng chia theo thì của câu, động từ thứ hai phải ở trong mệnh đề quan hệ hoặc chia ở dạng rút gọn mệnh đề quan hệ.

Tạm dịch: Start by forming a committee (3) _____ of experienced family members.

(Hãy bắt đầu bằng cách thành lập một hội đồng gồm các thành viên gia đình giàu kinh nghiệm.)

→ Ta có: be comprised of = comprise = consist of (bao gồm, gồm có). Căn cứ vào giới từ "of" ở phía sau chỗ trống ta suy ra động từ "comprise" cần chia ở dạng bị động ⇒ loại A, B, C.

*Lưu ý: Khi rút gọn mệnh đề quan hệ, nếu động từ trong mệnh đề quan hệ đó ở thể bị động, ta lược bỏ đại từ quan hệ và trợ động từ, giữ lại **Vp2**

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 4 [698712]: A. as B. among C. within D. between

Kiến thức về giới từ

Ta có cụm từ

- **include someone/something/oneself among somebody/something:** tính/bao hàm ai đó/cái gì đó/bản thân vào trong số ai/cái gì

- **include somebody/something in something:** bao gồm ai đó/điều gì đó vào trong một cái gì đó.

- **include somebody/something as something:** bao gồm ai đó/điều gì đó như một cái gì đó.

Tạm dịch: This group should include family members (4) _____ all age ranges to ensure diverse perspectives.

(Nhóm này nên bao gồm các thành viên gia đình ở mọi lứa tuổi để đảm bảo có nhiều góc nhìn khác nhau.)

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 5 [698713]: A. make B. do C. give D. put

Kiến thức về cụm từ cố định

Ta có cấu trúc **"give an account of sth: thuật lại, kể lại"**

Tạm dịch: It might be helpful to (5) _____ an account of past reunions, highlight their key moments to get inspiration.

(Có thể hữu ích nếu cung cấp một biên bản về những buổi họp mặt trước đây, nhấn mạnh những khoảnh khắc quan trọng của chúng để lấy cảm hứng.)

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 6 [698714]: A. playing B. to play C. play D. to playing

Kiến thức về danh động từ và động từ nguyên mẫu

Ta có:

- **opt to do something: chọn làm điều gì đó**

Tạm dịch: Whether to opt (6) _____ traditional games or try new experiences together, make sure to include activities that encourage interaction and fun!

(Cho dù chọn chơi các trò chơi truyền thống hay cùng nhau thử những trải nghiệm mới, hãy đảm bảo đưa vào các hoạt động khuyến khích sự tương tác và vui vẻ!)

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

DỊCH BÀI:

Duy trì các mối quan hệ xa: Thu hẹp khoảng cách Khi tính di động trên toàn cầu tăng lên, các mối quan hệ xa đã trở nên phổ biến hơn. Hãy cùng khám phá các chiến lược chính để duy trì những kết nối này:

→ Chiến lược giao tiếp:

- Mặc dù cuộc gọi video rất phổ biến, các hình thức giao tiếp khác cũng có thể có ý nghĩa tương đương.
- Các cặp đôi thường tận dụng những cách sáng tạo để giữ liên lạc qua các múi giờ khác nhau.

→ Khả năng phục hồi cảm xúc:

- Sự thành công của các mối quan hệ xa đòi hỏi các cặp đôi phải duy trì cam kết của họ bất chấp sự xa cách về mặt thân thể.

- Bất chấp sự xa cách về mặt địa lý, các cặp đôi có thể vun đắp sự gần gũi sâu sắc về mặt cảm xúc.

→ Động lực của mối quan hệ:

- Niềm tin mạnh mẽ vào sự chung thủy của nhau là điều tối quan trọng để vượt qua những thách thức về khoảng cách.
- Khi các cặp đôi tiếp tục cùng nhau phát triển, họ sẽ nhận ra một cách rõ ràng rằng sự hỗ trợ và thấu hiểu lẫn nhau là chìa khóa cho một mối quan hệ lâu dài và trọn vẹn.

Sustaining Long-Distance Relationships: Bridging the Gap

As global mobility increases, long-distance relationships have become more common. Let's explore key strategies for maintaining these connections:

Communication Strategies:

- While video calls are popular, (7) _____ forms of communication can be equally meaningful.
- Couples often (8) _____ creative ways to stay connected across time zones.

Emotional Resilience:

- Successful long-distance relationships require partners to (9) _____ their commitment despite the physical separation.
- (10) _____ geographical separation, couples can cultivate deep emotional intimacy.

Relationship Dynamics:

- A (11) _____ conviction in each other's loyalty is crucial for weathering the challenges of distance.
- As partners continue to grow together, they will (12) _____ realize that mutual support and understanding are the keys to a lasting, fulfilling relationship.

(Adapted from www.ldmagazine.com)

Question 7 [698715]: A. the others B. others C. the other D. another

Kiến thức về lượng từ:

*Xét các đáp án:

A. the others: những cái còn lại hoặc những người còn lại trong một nhóm có nhiều thứ hoặc nhiều người, được sử dụng như đại từ, theo sau không có bất kì danh từ nào

B. others: những cái khác/ người khác, được sử dụng như đại từ, theo sau không có bất kì danh từ nào

C. the other: cái còn lại trong hai cái, hoặc người còn lại trong hai người

⇒ the other + N đếm được số nhiều = the others

D. another + N đếm được số ít: một cái khác/người khác.

Căn cứ vào danh từ đếm được số nhiều "forms" đứng sau vị trí chỗ trống ⇒ loại A, B, D.

Tạm dịch: While video calls are popular, (7) _____ forms of communication can be equally meaningful.

(Trong khi cuộc gọi video rất phổ biến, các hình thức giao tiếp khác cũng có thể có ý nghĩa tương đương).

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 8 [698716]: A. sum up B. hash out C. tap into D. whip up

Kiến thức về cụm động từ:

*Xét các đáp án:

A. sum up: tóm tắt

B. hash out: giải quyết vấn đề hoặc đạt được thỏa thuận thông qua thảo luận

C. tap into: tận dụng

D. whip up: khiến mọi người tin một cách mạnh mẽ về điều gì đó; làm cái gì rất nhanh

Tạm dịch: Couples often (8) _____ creative ways to stay connected across time zones. (Các cặp đôi thường tận dụng những cách sáng tạo để giữ liên lạc qua các múi giờ khác nhau).

Căn cứ vào nghĩa, C là đáp án phù hợp.

Question 9 [698717]: A. uphold B. renege C. waver D. falter

Question 12 [698720]: A. unambiguously B. obviously C. apparently D. unequivocally

Kiến thức về từ cùng trường nghĩa:

*Xét các đáp án:

- A. unambiguously /ˌʌn.æm'biɡ.ju.əs.li/ (adv): rõ ràng (về mặt ý nghĩa, câu từ)
- B. obviously /'ɒb.vi.əs.li/ (adv): dễ hiểu, dễ nhận thấy
- C. apparently /ə'pær.ənt.li/ (adv): hình như (không chắc chắn, dựa vào những gì bạn biết)
- D. unequivocally /ˌʌn.i'kwɪv.ə.kəl.i/ (adv): theo một cách không còn nghi ngờ gì nữa, hoàn toàn rõ ràng

Tạm dịch: As partners continue to grow together, they will (12) _____ realize that mutual support and understanding are the keys to a lasting, fulfilling relationship. (*Khi các cặp đôi tiếp tục cùng nhau phát triển, họ sẽ nhận ra một cách hoàn toàn rõ ràng rằng sự hỗ trợ và thấu hiểu lẫn nhau là chìa khóa cho một mối quan hệ lâu dài và trọn vẹn*).

Căn cứ vào nghĩa, D là đáp án phù hợp.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Question 13 [698721]:

- a. Mia: Yes, it's really alarming. Many species are losing their habitats.
- b. Emma: Have you seen the news about the deforestation in the Amazon?
- c. Emma: I know! It's heartbreaking to think about how many animals are affected.

- A. B - C - A B. A - C - B C. C - B - A D. B - A - C

Kiến thức về sắp xếp câu tạo thành đoạn hội thoại:

*Để tạo nên một đoạn văn/lời kể/ đoạn hội thoại hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

- b. Emma: Have you seen the news about the deforestation in the Amazon? (*Emma: Bạn đã xem tin tức về nạn phá rừng ở Amazon chưa?*).
- a. Mia: Yes, it's really alarming. Many species are losing their habitats. (*Mia: Mình đã nghe rồi, thực sự đáng báo động. Nhiều loài đang mất đi môi trường sống của chúng*).
- c. Emma: I know! It's heartbreaking to think about how many animals are affected. (*Emma: Mình biết mà! Thật đau lòng khi nghĩ đến số lượng động vật bị ảnh hưởng*).

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: b - a - c

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 14 [698722]:

- a. Anna: I think we should reduce our carbon footprint by using less energy and supporting renewable sources.
- b. Anna: Hi Tom, have you heard about the latest reports on global warming? It's getting worse!
- c. Tom: Yes, I read that the ice caps are melting at an alarming rate. What do you think we can do to help?
- d. Anna: Definitely! Every little action counts in the fight against global warming.
- e. Tom: That's a great idea! We could also raise awareness in our community about the importance of recycling and conserving energy.

- A. B - A - C - D - E B. B - C - A - E - D C. B - D - C - A - E D. B - E - A - C - D

Kiến thức về sắp xếp câu tạo thành đoạn hội thoại:

*Để tạo nên một đoạn văn/lời kể/ đoạn hội thoại hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

b. Anna: Hi Tom, have you heard about the latest reports on global warming? It's getting worse!

(Anna: Chào Tom, bạn đã nghe đến những báo cáo mới nhất về tình trạng nóng lên toàn cầu chưa? Tình hình đang trở nên tồi tệ hơn!).

c. Tom: Yes, I read that the ice caps are melting at an alarming rate. What do you think we can do to help? (Tom: Đúng vậy, tôi đọc được rằng các tảng băng đang tan chảy với tốc độ đáng báo động. Bạn nghĩ chúng ta có thể làm gì để giúp đỡ?).

a. Anna: I think we should reduce our carbon footprint by using less energy and supporting renewable sources. (Anna: Tôi nghĩ chúng ta nên giảm lượng khí thải carbon bằng cách sử dụng ít năng lượng hơn và ủng hộ các nguồn năng lượng tái tạo).

e. Tom: That's a great idea! We could also raise awareness in our community about the importance of recycling and conserving resources. (Tom: Đó là một ý tưởng tuyệt vời! Chúng ta cũng có thể nâng cao nhận thức trong cộng đồng về tầm quan trọng của việc tái chế và bảo tồn tài nguyên).

d. Anna: Definitely! Every little action counts in the fight against global warming. (Anna: Chắc chắn rồi! Mỗi hành động nhỏ đều có giá trị trong cuộc chiến chống lại sự nóng lên toàn cầu).

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: b - c - a - e - d

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 15 [698723]:

Dear Lucy,

a. I highly recommend that you explore the multicultural world around you, as there is so much to discover and appreciate.

b. I hope this letter finds you well. I'm excited to share with you some insights into the diverse cultures that make up our world.

c. Finally, embracing multiculturalism benefits us all. It exposes us to new ideas, expands our perspectives, and fosters a more inclusive society.

d. Secondly, understanding different cultures helps us become more open-minded and tolerant.

e. Whether it's trying international foods, attending cultural events, or simply having meaningful dialogues, engaging with diversity can truly enhance our lives.

f. Firstly, diversity is a beautiful thing that enriches our global community. Each culture has its own unique traditions, practices, and ways of life that are worth learning about and appreciating.

Best regards,

Emma

A. d-a-c-f-b-e

B. f-a-c-d-e-b

C. b-f-d-e-c-a

D. a-b-e-f-d-c

Kiến thức về sắp xếp câu

*Để tạo một lá thư hoàn chỉnh, mở đầu phải là lời chào cũng như giới thiệu chủ đề sắp nói bằng cách dùng Dear + tên người nhận. Ở những phần tiếp theo, ta đưa ra luận cứ, dẫn chứng để chứng minh điều mình muốn nói. Trong tiếng Anh, để nêu lên luận cứ đầu tiên, ta dùng Firstly/ First and foremost, sau đó đến các liên từ, từ nối như Also, Additionally, Moreover,.. để nêu ra các luận cứ tiếp theo, và ở luận cứ cuối cùng, ta sử dụng Finally. Kết thúc lá thư là lời nhắn nhủ, gửi lời chúc đến người nhận bằng cụm Best wishes.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

Lucy thân mến,

b. Tôi hy vọng bạn vẫn khỏe. Tôi rất vui được chia sẻ với bạn một số hiểu biết về các nền văn hóa đa dạng tạo nên thế giới của chúng ta.

f. Thứ nhất, sự đa dạng là một điều tuyệt vời giúp làm phong phú thêm cộng đồng toàn cầu của chúng ta. Mỗi nền văn hóa đều có những truyền thống, tập quán và lối sống độc đáo riêng đáng để học hỏi và trân trọng.

d. Thứ hai, hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau giúp chúng ta trở nên cởi mở và khoan dung hơn.

e. Cho dù đó là thử các món ăn quốc tế, tham dự các sự kiện văn hóa hay đơn giản là có những cuộc đối thoại ý nghĩa, việc hòa nhập vào sự đa dạng có thể thực sự làm phong phú cuộc sống của chúng ta.

c. Cuối cùng, việc đón nhận chủ nghĩa đa văn hóa mang lại lợi ích cho tất cả chúng ta. Nó giúp chúng ta tiếp cận với những ý tưởng mới, mở rộng quan điểm của chúng ta và thúc đẩy một xã hội hòa nhập hơn.

a. Tôi rất khuyến khích bạn khám phá thế giới đa văn hóa xung quanh mình, vì có rất nhiều điều để khám phá và trân trọng.

Trân trọng

Question 16 [698724]:

- a. Living on my own has taught me valuable life skills, such as budgeting and time management, that I didn't fully appreciate before.
- b. Over time, I've learned how to handle household responsibilities efficiently, making me more self-sufficient.
- c. Though challenging at first, this experience has helped me grow more independent and confident in my ability to manage life's demands.
- d. The freedom to create my own schedule and make decisions without relying on others has been incredibly rewarding.
- e. Ultimately, I believe independent living has made me more resilient and prepared for future challenges.

A. a-d-e-b-c

B. d-b-c-a-e

C. a-b-c-d-e

D. d-c-b-e-a

Kiến thức về sắp xếp câu tạo thành đoạn hội thoại:

*Để tạo nên một đoạn văn/lời kể/ đoạn hội thoại hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

- a. Living on my own has taught me valuable life skills, such as budgeting and time management, that I didn't fully appreciate before. (*Cuộc sống tự lập đã dạy cho tôi những kỹ năng sống quý giá, chẳng hạn như lập ngân sách và quản lý thời gian, mà trước đây tôi không hoàn toàn đánh giá cao.*)
- b. Over time, I've learned how to handle household responsibilities efficiently, making me more self-sufficient. (*Theo thời gian, tôi đã học cách xử lý các trách nhiệm trong gia đình một cách hiệu quả, giúp tôi trở nên tự lập hơn.*)
- c. Though challenging at first, this experience has helped me grow more independent and confident in my ability to manage life's demands. (*Mặc dù ban đầu gặp khó khăn, nhưng trải nghiệm này đã giúp tôi trở nên độc lập hơn và tự tin vào khả năng quản lý những nhu cầu của cuộc sống.*)
- d. The freedom to create my own schedule and make decisions without relying on others has been incredibly rewarding. (*Sự tự do trong việc tạo ra lịch trình của riêng mình và đưa ra quyết định mà không phải phụ thuộc vào người khác thật sự rất đáng giá.*)
- e. Ultimately, I believe independent living has made me more resilient and prepared for future challenges. (*Cuối cùng, tôi tin rằng việc sống tự lập đã giúp tôi trở nên kiên cường hơn và chuẩn bị tốt hơn cho những thách thức trong tương lai.*)

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: a - b - c - d - e

Do đó, C là đáp án phù hợp

Question 17 [698725]:

- a. Meeting my current partner was completely unexpected, as I had sworn off dating after my previous heartbreak.
- b. Slowly, I began to trust again, and we built a relationship based on open communication and shared values.
- c. At first, I was hesitant to open up and let someone new into my life, but they were incredibly patient and understanding.
- d. Now, several years later, I can confidently say that this is the healthiest and most fulfilling partnership I've ever had.
- e. I'm grateful every day for the love and support we share, and I'm excited to see what the future holds for us.

A. a-d-b-c-e

B. a-c-b-d-e

C. a-d-c-b-e

D. a-b-d-e-c

Kiến thức về sắp xếp trật tự câu tạo thành đoạn văn:

*Để tạo nên một đoạn văn/lời kể hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

- a. Meeting my current partner was completely unexpected, as I had sworn off dating after my previous heartbreak. (*Việc gặp gỡ người yêu hiện tại của tôi là điều hoàn toàn bất ngờ, vì tôi đã thề sẽ không hẹn hò nữa sau lần thất tình trước*).
- c. At first, I was hesitant to open up and let someone new into my life, but they were incredibly patient and understanding. (*Lúc đầu, tôi hơi ngần ngại khi mở lòng và đón nhận một người mới bước vào cuộc sống của mình, nhưng họ vô cùng kiên nhẫn và thấu hiểu*).
- b. Slowly, I began to trust again, and we built a relationship based on open communication and shared values. (*Dần dần, tôi bắt đầu tin tưởng trở lại và chúng tôi xây dựng mối quan hệ dựa trên sự giao tiếp cởi mở và các giá trị chung*).
- d. Now, several years later, I can confidently say that this is the healthiest and most fulfilling partnership I've ever had. (*Bây giờ, sau nhiều năm, tôi có thể tự tin nói rằng đây là mối quan hệ lành mạnh và viên mãn nhất mà tôi từng có*).
- e. I'm grateful every day for the love and support we share, and I'm excited to see what the future holds for us. (*Tôi biết ơn mỗi ngày vì tình yêu thương và sự ủng hộ mà chúng tôi dành cho nhau, và tôi rất háo hức chờ đợi tương lai tươi sáng của chúng tôi*).

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: a - c - b - d - e

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Read the following passage about Trịnh Công Sơn, a famous Vietnamese musician, and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

DỊCH BÀI:

Trịnh Công Sơn, sinh năm 1939 tại tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam, đã trở thành một trong những ca sĩ - nhạc sĩ được yêu thích nhất của đất nước. Sơn, với những nỗ lực to lớn, được biết đến như là "Bob Dylan của Việt Nam" với lời bài hát đầy chất thơ và giai điệu gây thương nhớ.

Mặc dù ban đầu ông theo học để trở thành giáo viên, Sơn đã tìm thấy đam mê thực sự của mình trong âm nhạc. Ông bắt đầu sáng tác vào những năm 1950 với nhiều bài hát tuyệt vời trong đó cách tiếp cận kết hợp giữa ca từ và giai điệu đã tạo nên những tác phẩm kinh điển vượt thời gian. Những bài hát của ông trở nên phổ biến vào những năm 1960 và 1970, một giai đoạn đầy biến động trong lịch sử Việt Nam. Sơn được công nhận vì đã khắc họa sâu sắc tinh thần của những năm tháng chiến tranh thông qua nghệ thuật của mình. Cụ thể, các sáng tác của ông như "Nối vòng tay lớn" đã trở thành quốc ca cho hòa bình trong thời kỳ Chiến tranh Việt Nam. Âm nhạc của Sơn nói lên những trải nghiệm và cảm xúc của người dân Việt Nam trong thời kỳ đầy thử thách này.

Âm nhạc của ông đã vượt qua ranh giới chính trị, chạm đến cuộc sống của nhiều người trên khắp Việt Nam và xa hơn nữa. Các buổi hòa nhạc của ông là những sự kiện lớn, thu hút hàng ngàn người hâm mộ, những người đã xúc động trước những màn trình diễn đầy cảm xúc và lời bài hát ý nghĩa của ông. Hơn nữa, gây được tiếng vang sâu sắc với khán giả, nghệ thuật của ông đã thúc đẩy ý thức cộng đồng và sự kết nối.

Sau khi Việt Nam thống nhất, ông đã truyền tải tình cảm xã hội vào âm nhạc của mình, phản ánh sự thay đổi của thời đại. Ông vẫn là một nhân vật năng nổ và có ảnh hưởng trong nền âm nhạc Việt Nam cho đến khi qua đời vào năm 2001, để lại di sản phong phú với hơn 600 bài hát vẫn được các nghệ sĩ ở Việt Nam và trên toàn thế giới trân trọng và biểu diễn.

Trịnh Công Sơn, born in 1939 in Đắk Lắk Province, Vietnam, became one of the country's most beloved singer-songwriters. Sơn, with great efforts, (18) _____.

Despite initially studying to become a teacher, Sơn found his true calling in music. He began composing in the 1950s with a number of wonderful songs (19) _____. His songs gained popularity in the 1960s and 1970s, a tumultuous period in Vietnamese history.

(20) _____. Specifically, his compositions like "Nối vòng tay lớn" (The Great Circle of Vietnam) became anthems for peace during the Vietnam War era. Sơn's music spoke to the experiences and emotions of the Vietnamese people during this challenging time.

His music transcended political boundaries, touching lives across Vietnam and beyond. His concerts were major events, drawing thousands of fans who were moved by his soulful performances and meaningful lyrics. Moreover, resonating deeply with audiences, (21) _____.

After Vietnam's reunification, (22) _____. He remained an active and influential figure in the Vietnamese music scene until his passing in 2001, leaving behind a rich legacy of over 600 songs that continue to be cherished and performed by artists in Vietnam and around the world.

(Adapted from <https://en.wikipedia.org>)

Question 18 [698726]:

- A. of whom poetic lyrics and haunting melodies were known as the "Bob Dylan of Vietnam"
- B. as the "Bob Dylan of Vietnam" known for his poetic lyrics and haunting melodies

- C. became known as the "Bob Dylan of Vietnam" for his poetic lyrics and haunting melodies
D. becoming "Bob Dylan of Vietnam" known for his poetic lyrics and haunting melodies

Kiến thức về cấu trúc câu:

- Ta có cấu trúc của một mệnh đề độc lập: S + V +... Căn cứ vào vị trí chỗ trống, ta thấy câu đã có chủ ngữ là "Sơn" và chưa có động từ chính $\Rightarrow$ ta cần một động từ chính chia theo chủ ngữ "Sơn" để tạo thành câu hoàn chỉnh $\Rightarrow$ loại A, B, D.

Tạm dịch: Sơn, with great efforts, (18) _____. (*Sơn, với những nỗ lực to lớn, được biết đến như là "Bob Dylan của Việt Nam" với lời bài hát đầy chất thơ và giai điệu gây thương nhớ*).

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 19 [698727]:

- A. of which blended approach to lyrics and melodies have given rise to timeless classics
B. attracted listeners with lyrics and melodies that contributed to timeless classics
C. approached to lyrics and melodies in order to be acknowledged as timeless classics
D. whose blended approach to lyrics and melodies in shaping timeless classics

Kiến thức về mệnh đề quan hệ:

- Nếu ta chọn đáp án B, C, ta sẽ hiểu rằng động từ "attracted" và "approached" đang chia ở dạng rút gọn mệnh đề quan hệ ở thể bị động và chúng là động từ của chủ ngữ "songs". Tuy nhiên khi ghép nghĩa vào ngữ cảnh, ta sẽ thấy "attract" hay "approach" không mang nghĩa bị động mà là chủ động, và nếu rút gọn mệnh đề quan hệ thì phải đưa về dạng Ving $\Rightarrow$ loại B, C.

- Khi sử dụng đại từ quan hệ "whose", sau "whose" sẽ phải là danh từ sau đó đến động từ $\Rightarrow$ loại D.

- Ta có: which: là đại từ quan hệ thay thế cho danh từ chỉ vật, làm chủ ngữ hoặc tân ngữ cho động từ sau nó. (theo sau which có thể là một động từ hoặc một chủ ngữ). Cụ thể, "of which" ở đây thay thế cho "of a number of wonderful songs".

Tạm dịch: He began composing in the 1950s with a number of wonderful songs (19) _____. (*Ông bắt đầu sáng tác vào những năm 1950 với nhiều bài hát tuyệt vời trong đó cách tiếp cận kết hợp giữa ca từ và giai điệu đã tạo nên những tác phẩm kinh điển vượt thời gian*).

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 20 [698728]:

- A. Sơn was recognized for capturing the spirit of the war years through his artistic expression
B. Artists in the realms of poetry, music, and social reflection in the war years contributed to Sơn's impact
C. Aiming to resonate with the masses through song, Sơn's songs evolved as a cultural icon in the war years
D. The fusion of poetic simplicity and national, social awareness in the war years shapes Sơn's influence

Kiến thức về mệnh đề độc lập – nghĩa của câu:

Ta có: Khi 2 vế đồng chủ ngữ, người ta bỏ chủ ngữ của mệnh đề đầu, đưa động từ về dạng Ving/ Having Vp2 khi động từ ở thể chủ động. Xét nghĩa đáp án C, ta thấy “Sơn’s songs” không thể là chủ ngữ của mệnh đề đầu nên ta không thể rút gọn như vậy ⇒ loại C.

Căn cứ vào vị trí chỗ trống (giữa hai dấu chấm) ⇒ vị trí chỗ trống cần một mệnh đề độc lập (S+ V).

Tạm dịch: (20) _____. Specifically, his compositions like "Nổi vòng tay lớn" (The Great Circle of Vietnam) became anthems for peace during the Vietnam War era. (*Sơn được công nhận vì đã khắc họa sâu sắc tinh thần của những năm tháng chiến tranh thông qua nghệ thuật của mình. Cụ thể, các sáng tác của ông như "Nổi vòng tay lớn" đã trở thành quốc ca cho hòa bình trong thời kỳ Chiến tranh Việt Nam*).

Căn cứ vào nghĩa, A là đáp án phù hợp.

Question 21 [698729]:

- A. a sense of community and connection was encouraged
- B. Sơn could make his artistry foster community connection
- C. his artistry fostered a sense of community and connection
- D. enhancing community connection was Sơn’s intention

Kiến thức về phân từ hiện tại, phân từ hoàn thành:

Xét các đáp án:

- A. ý thức cộng đồng và sự kết nối được khuyến khích
- B. Sơn có thể biến nghệ thuật của mình thành sự kết nối cộng đồng
- C. nghệ thuật của ông đã thúc đẩy ý thức cộng đồng và sự kết nối
- D. tăng cường sự kết nối cộng đồng là ý định của Sơn

Tạm dịch: Moreover, resonating deeply with audiences, (21) _____. (*Hơn nữa, gây được tiếng vang sâu sắc với khán giả, nghệ thuật của ông đã thúc đẩy ý thức cộng đồng và sự kết nối*).

⇒ Ta có: Khi 2 vế đồng chủ ngữ, người ta bỏ chủ ngữ của mệnh đề đầu, đưa động từ về dạng Ving/ Having Vp2 khi động từ ở thể chủ động. Xét cụ thể trong câu, chủ ngữ của mệnh đề đầu và mệnh đề sau phải giống nhau, và thứ “gây được tiếng vang sâu sắc với khán giả” phải là nghệ thuật trong cách sáng tác nhạc của Sơn, hay chính là “his artistry” nên đây cũng là chủ ngữ của mệnh đề ở vị trí chỗ trống.

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 22 [698730]:

- A. by channeling societal sentiments into his music, it couldn’t reflect the changing times
- B. integrating societal sentiments into his music, they helped him reflect on the changing times
- C. he channeled societal sentiments into his music, reflecting the changing times
- D. reflecting the changing times through his music, societal sentiments were channeled

Kiến thức về mệnh đề độc lập – nghĩa của câu:

***Xét các đáp án:**

- A. bằng cách truyền tải tình cảm xã hội vào âm nhạc của mình, nó không thể phản ánh được sự thay đổi của thời đại.
- B. đan cài tình cảm xã hội vào âm nhạc của mình, chúng giúp ông phản ánh được sự thay đổi của thời đại.
- C. ông truyền tải tình cảm xã hội vào âm nhạc của mình, phản ánh được sự thay đổi của thời đại.
- D. phản ánh được sự thay đổi của thời đại thông qua âm nhạc của mình, tình cảm xã hội đã được truyền tải

Ta có: Khi 2 vế đồng chủ ngữ, người ta bỏ chủ ngữ của mệnh đề đầu, đưa động từ về dạng Ving/ Having Vp2 khi động từ ở thể chủ động. Xét nghĩa của đáp án B, D, ta thấy “they” ở đáp án B hay “societal sentiments” ở đáp án D không thể là chủ ngữ của mệnh đề đầu nên ta không thể rút gọn như vậy ⇒ loại B, D.

Tạm dịch: After Vietnam's reunification, (22) _____. (*Sau khi Việt Nam thống nhất, ông đã truyền tải tình cảm xã hội vào âm nhạc của mình, phản ánh sự thay đổi của thời đại*).

Căn cứ vào nghĩa, C là đáp án phù hợp.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.

DỊCH BÀI:

Sự độc lập đối với người trẻ là việc thử nghiệm những điều mới, nhận thêm trách nhiệm, tự đưa ra quyết định và khám phá bản thân cũng như ước mơ của họ. Có được sự độc lập là một phần thiết yếu trong hành trình trở thành người lớn.

Trong việc thiết lập ranh giới lành mạnh với đứa con tuổi thiếu niên của bạn, việc tôn trọng quyền riêng tư của chúng là rất quan trọng. Khi đứa con thanh thiếu niên của bạn lớn lên và trưởng thành, chúng nên được dành nhiều không gian riêng tư hơn để khám phá xem chúng muốn trở thành người như thế nào. Thanh thiếu niên thường có xu hướng đưa ra quyết định nhanh chóng mà không suy nghĩ về hậu quả. Việc quan sát đứa con tuổi thiếu niên của bạn vẫn quan trọng để giúp hướng dẫn và hỗ trợ chúng. Nếu bạn lo lắng về các hoạt động trực tuyến hoặc ngoài đời thực của chúng, hãy cố gắng trò chuyện với chúng. Bạn có thể chia sẻ những lo ngại của mình và các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến những hoạt động này.

Bạn cũng nên ủng hộ các quyết định của con bạn. Khi bạn ủng hộ lựa chọn của chúng, bạn đang giúp chúng trở nên độc lập hơn và tự tin hơn vào kỹ năng ra quyết định của mình. Có rất nhiều lựa chọn nhỏ hàng ngày mà đứa con thanh thiếu niên của bạn sẽ đưa ra có thể cải thiện sự tự tin của chúng, như lựa chọn trang phục. Đây là một cách tuyệt vời để giúp con bạn chịu trách nhiệm cho những lựa chọn của mình và học hỏi từ những sai lầm. Bạn không nhất thiết luôn phải ủng hộ quyết định của chúng nếu chúng có thể khiến bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm.

Hơn nữa, trong khi một số vấn đề có thể không có vẻ quan trọng đối với bạn, nhưng chúng lại là vấn đề lớn đối với đứa con của bạn. Những vấn đề như mâu thuẫn trên mạng xã hội hoặc xung đột trong tình bạn có thể ảnh hưởng đến con bạn. Những vấn đề có thể khiến chúng choáng ngợp và thách thức suy nghĩ của chúng về bản thân cũng như về người chịu trách nhiệm.

Hãy lắng nghe con bạn. Nếu chúng xin lời khuyên, hãy đưa ra lời khuyên. Bạn có thể khuyến khích chúng xem xét các giải pháp khác nhau và thảo luận với bạn. Tuy nhiên, đôi khi chúng chỉ muốn chia sẻ những trải nghiệm của mình mà không cần lời khuyên.

Independence for young people is about trying new things, taking on more responsibility, making decisions by themselves, and working out who they are and what they want to be. Achieving independence is an essential part of the journey to adulthood.

As part of setting up healthy boundaries with your teenager, it is important for you to respect their privacy. **As your teenager grows older and maturer, they should be given more privacy as they figure out what kind of person they want to be.** Teenagers are prone to make quick decisions without thinking about the consequences. It is still important to **monitor** your teenager to help guide them and support them. If you are concerned about their online or offline activities, try to have a conversation with them. You can discuss your concerns with them and the potential risks of these activities.

You should also support your teenager's decisions. When you support your teenager's choices you are helping them become more independent and confident in their decision-making skills. There are lots of small daily choices that your teenager will make that can improve their confidence such as their choices in clothes. It is a great way to help your child accept the responsibility for their choices and learn from their mistakes. You do not always have to support your teenager's decision if they are putting themselves or others at risk.

Additionally, while some problems may not seem like a big deal to you, they are a big deal to your teenager. Issues like social media drama or conflicts in friendships can impact your teenager. They can be **overwhelming** for them and challenge their ideas of who they are and who is in charge. Listen to your teenager. If

they ask for advice, give them advice. You can encourage them to look at different solutions and discuss them with you. However, sometimes they may just want to talk about their experiences with you, but do not want any advice.

(Adapted from <https://cambsborochildren'shealth.nhs.uk/>)

Question 23 [698731]: Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 2?

- A. As teenagers mature, they should be told exactly what kind of person to be.
- B. Teenagers need privacy to decide what type of person their parents want them to become.
- C. The maturer your teen becomes, the more they need more freedom to decide who they want to become.
- D. When teenagers grow up, they need constant supervision to figure out their future.

Câu nào sau đây diễn giải lại câu được gạch chân trong đoạn 2 một cách phù hợp nhất?

Xét câu được gạch chân ở đoạn 2: As your teenager grows older and matures, they should be given more privacy as they figure out what kind of person they want to be. (*Khi đứa con thiếu niên của bạn lớn lên và trưởng thành, chúng nên được dành nhiều không gian riêng tư hơn để khám phá xem chúng muốn trở thành người như thế nào.*)

- A. Khi thanh thiếu niên trưởng thành, họ nên được chỉ bảo rõ ràng về việc trở thành kiểu người nào.
⇒ đáp án A không phù hợp vì trong câu gốc không đề cập đến việc “chỉ bảo rõ ràng về việc trở thành kiểu người nào”
 - B. Thanh thiếu niên cần quyền riêng tư để quyết định kiểu người mà cha mẹ họ muốn họ trở thành.
⇒ đáp án B không phù hợp vì nó không sát với câu gốc ở chỗ “kiểu người mà cha mẹ họ muốn họ trở thành”
 - C. Đứa con tuổi thiếu niên của bạn càng trưởng thành, chúng càng cần nhiều tự do hơn để quyết định chúng muốn trở thành ai.
⇒ đáp án C phù hợp, gần với nghĩa câu gốc
 - D. Khi thanh thiếu niên lớn lên, họ cần sự giám sát liên tục để xác định tương lai của mình.
⇒ đáp án D không phù hợp vì câu gốc không đề cập đến việc “cần sự giám sát liên tục”
- Do đó, C là đáp án phù hợp

Question 24 [698732]: The word “monitor” in paragraph 2 could be best replaced by _____.

- A. threaten
- B. impose
- C. observe
- D. assist

Từ monitor trong đoạn 2 có thể được thay thế tốt nhất bằng _____.

- A. threaten /'θreɪn/ (v): đe dọa
- B. impose /ɪm'pəʊz/ (v): áp dụng (luật, thuế,...); áp đặt
- C. observe /əb'zɜ:v/ (v): quan sát
- D. assist /ə'sɪst/ (v): hỗ trợ

Căn cứ vào thông tin:

Teenagers are prone to make quick decisions without thinking about the consequences. It is still important to monitor your teenager to help guide them and support them. (*Thanh thiếu niên thường có xu hướng đưa ra quyết định nhanh chóng mà không suy nghĩ về hậu quả. Việc quan sát đưa con tuổi thiếu niên của bạn để hướng dẫn và hỗ trợ chúng là rất quan trọng.*)

⇒ monitor ~ observe

Do đó, C là đáp án phù hợp

Question 25 [698733]: The word “overwhelming” in paragraph 4 is **OPPOSITE** in meaning to _____.

- A. insignificant
- B. impossible
- C. manageable
- D. important

Từ "overwhelming" trong đoạn 4 trái nghĩa với _____

- A. insignificant /ˌɪnsɪɡ'nɪfɪkənt/ (adj): không đáng kể
- B. impossible /ɪm'pɒsəbl/ (adj): bất khả thi
- C. manageable /'mænɪdʒəbl/ (adj): có thể kiểm soát
- D. important /ɪm'pɔ:tnt/ (adj): quan trọng

Căn cứ vào thông tin:

Issues like social media drama or conflicts in friendships can impact your teenager. They can be overwhelming for them and challenge their ideas of who they are and who is in charge. *(Những vấn đề như mâu thuẫn trên mạng xã hội hoặc xung đột trong tình bạn có thể ảnh hưởng đến đứa con tuổi thiếu niên của bạn. Những vấn đề đó có thể khiến chúng choáng ngợp và thách thức suy nghĩ của chúng về bản thân cũng như về người chịu trách nhiệm.)*

⇒ overwhelming > manageable

Do đó, C là đáp án phù hợp

Question 26 [698734]: According to the passage, what is recommended if parents are worried about their teenager's activities?

- A. They should punish their teenager.
- B. They should have a discussion about potential risks.
- C. They should ignore their concerns.
- D. They should completely invade their teenager's privacy.

Theo đoạn văn, điều gì được khuyến khích nếu cha mẹ lo lắng về các hoạt động của con em mình?

- A. Họ nên phạt đứa con tuổi thiếu niên của mình.
- B. Họ nên thảo luận về những rủi ro tiềm ẩn.
- C. Họ nên bỏ qua những lo ngại của mình.
- D. Họ nên xâm phạm hoàn toàn quyền riêng tư của thanh thiếu niên.

Căn cứ vào thông tin:

If you are concerned about their online or offline activities, try to have a conversation with them. You can discuss your concerns with them and the potential risks of these activities. *(Nếu bạn lo lắng về các hoạt động trực tuyến hoặc ngoài đời thực của chúng, hãy cố gắng trò chuyện với chúng. Bạn có thể chia sẻ những lo ngại của mình và các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến những hoạt động này.)*

Do đó, B là đáp án phù hợp

Question 27 [698735]: The word "you" in the whole passage most likely refers to _____.

- A. teenagers
- B. siblings of teenagers
- C. friends of teenagers
- D. parents

Từ "you" trong toàn bộ đoạn văn có khả năng đề cập đến_____.

- A. teenagers: thanh thiếu niên
- B. siblings of teenagers: anh chị em của thanh thiếu niên
- C. friends of teenagers: bạn của thanh thiếu niên
- D. parents: phụ huynh

Căn cứ vào thông tin:

- As your teenager grows older and matures, they should be given more privacy as they figure out what kind of person they want to be. (*Khi đứa con tuổi thiếu niên của bạn lớn lên và trưởng thành, chúng nên được dành nhiều không gian riêng tư hơn để khám phá xem chúng muốn trở thành người như thế nào.*)
- It is still important to monitor your teenager to help guide them and support them. If you are concerned about their online or offline activities, try to have a conversation with them. You can discuss your concerns with them and the potential risks of these activities. (*Việc quan sát đứa con tuổi thiếu niên của bạn vẫn quan trọng để giúp hướng dẫn và hỗ trợ chúng. Nếu bạn lo lắng về các hoạt động trực tuyến hoặc ngoài đời thực của chúng, hãy cố gắng trò chuyện với chúng. Bạn có thể chia sẻ những lo ngại của mình và các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến những hoạt động này.*)
- It is a great way to help your child accept the responsibility for their choices and learn from their mistakes. (*Đây là một cách tuyệt vời để giúp con bạn chịu trách nhiệm cho những lựa chọn của mình và học hỏi từ những sai lầm.*)

⇒ đoạn văn viết về lời khuyên dành cho phụ huynh để giúp đứa con thanh thiếu niên của họ có thể sống độc lập

Do đó, D là đáp án phù hợp

Question 28 [698736]: Which of the following is **NOT TRUE**, according to the passage?

- A. Young people need to experience new things and handle more responsibilities to become independent.
- B. Respecting a teenager's need for privacy is crucial as they grow older.
- C. Parents should always allow teenagers to make any decision without supervision.
- D. Discussing concerns about activities can help guide teenagers and ensure their safety.

Theo đoạn văn, câu nào sau đây là KHÔNG ĐÚNG?

- A. Người trẻ cần trải nghiệm những điều mới và đảm nhận nhiều trách nhiệm hơn để trở nên độc lập.
- B. Tôn trọng nhu cầu riêng tư của thanh thiếu niên là rất quan trọng khi họ lớn lên.
- C. Cha mẹ nên luôn cho phép thanh thiếu niên đưa ra bất kỳ quyết định nào mà không cần giám sát.
- D. Thảo luận về những lo ngại liên quan đến các hoạt động có thể giúp hướng dẫn thanh thiếu niên và đảm bảo an toàn cho chúng.

Căn cứ vào thông tin:

- Independence for young people is about trying new things, taking on more responsibility, making decisions by themselves, and working out who they are and what they want to be. (*Sự độc lập đối với người trẻ là việc thử nghiệm những điều mới, nhận thêm trách nhiệm, tự đưa ra quyết định và khám phá bản thân cũng như ước mơ của họ.*) ⇒ A đúng
 - As part of setting up healthy boundaries with your teenager, it is important for you to respect their privacy. As your teenager grows older and matures, they should be given more privacy as they figure out what kind of person they want to be. (*Trong việc thiết lập ranh giới lành mạnh với đứa con tuổi thiếu niên của bạn, việc tôn trọng quyền riêng tư của chúng là rất quan trọng. Khi đứa con tuổi thiếu niên của bạn lớn lên và trưởng thành, chúng nên được dành nhiều không gian riêng tư hơn để khám phá xem chúng muốn trở thành người như thế nào.*) ⇒ B đúng
 - You do not always have to support your teenager's decision if they may be putting themselves or others at risk. (*Bạn không nhất thiết luôn phải ủng hộ quyết định của đứa con tuổi thiếu niên nếu chúng có thể khiến bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm.*) ⇒ C sai
 - It is still important to monitor your teenager to help guide them and support them. If you are concerned about their online or offline activities, try to have a conversation with them. You can discuss your concerns with them and the potential risks of these activities. (*Việc quan sát đứa con thanh thiếu niên của bạn vẫn quan trọng để giúp hướng dẫn và hỗ trợ chúng. Nếu bạn lo lắng về các hoạt động trực tuyến hoặc ngoài đời thực của chúng, hãy cố gắng trò chuyện với chúng. Bạn có thể chia sẻ những lo ngại của mình và các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến những hoạt động này.*) ⇒ D đúng
- Do đó, C là đáp án phù hợp

Question 29 [698737]: In which paragraph does the writer mention a present causal relationship?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3
- D. Paragraph 4

Trong đoạn văn nào tác giả đề cập đến mối quan hệ nguyên nhân - kết quả ở hiện tại?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

Căn cứ vào thông tin đoạn 3: You should also support your teenager's decisions. When you support your teenager's choices you are helping them become more independent and confident in their decision-making skills. (*Bạn cũng nên ủng hộ các quyết định của đứa con tuổi thiếu niên. Khi bạn ủng hộ sự lựa chọn của chúng, bạn đang giúp chúng trở nên độc lập hơn và tự tin hơn vào kỹ năng ra quyết định của mình.*)

Do đó, C là đáp án phù hợp

Question 30 [698738]: In which paragraph does the writer mention the importance of assisting teenagers in understanding and learning from their mistakes?

A. Paragraph 1

B. Paragraph 2

C. Paragraph 3

D. Paragraph 4

Trong đoạn nào, tác giả đề cập đến tầm quan trọng của việc hỗ trợ thanh thiếu niên trong việc hiểu và học hỏi từ những sai lầm của chúng?

A. Đoạn 1

B. Đoạn 2

C. Đoạn 3

D. Đoạn 4

Căn cứ vào thông tin đoạn 3:

You should also support your teenager's decisions. When you support your teenager's choices you are helping them become more independent and confident in their decision-making skills. There are lots of small daily choices that your teenager will make that can improve their confidence such as their choices in clothes. It is a great way to help your child accept the responsibility for their choices and learn from their mistakes. You do not always have to support your teenager's decision if they may be putting themselves or others at risk. *(Bạn cũng nên ủng hộ các quyết định của đứa con tuổi thiếu niên. Khi bạn ủng hộ sự lựa chọn của chúng, bạn đang giúp chúng trở nên độc lập hơn và tự tin hơn vào kỹ năng ra quyết định của mình. Có rất nhiều lựa chọn nhỏ hàng ngày mà đứa con thanh thiếu niên của bạn sẽ đưa ra có thể cải thiện sự tự tin của chúng, như lựa chọn trang phục. Đây là một cách tuyệt vời để giúp con bạn chịu trách nhiệm cho những lựa chọn của mình và học hỏi từ những sai lầm. Bạn không nhất thiết luôn phải ủng hộ quyết định của đứa con tuổi thiếu niên nếu chúng có thể khiến bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm.)*

Do đó, C là đáp án phù hợp

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 31 to 40.

DỊCH BÀI:

Tin tức hiếm khi lạc quan khi nói đến tình trạng thế giới tự nhiên của chúng ta. Rừng nhiệt đới đang cháy, rạn san hô đang bị tẩy trắng, các loài biến mất với tốc độ chưa từng thấy - danh sách dài các cuộc khủng hoảng môi trường có thể khiến bạn cảm thấy choáng ngợp, thậm chí là tê liệt. Nhưng giữa bối cảnh u ám đó, một thế hệ người bảo vệ sinh thái mới đang đứng lên, mang trong mình những kế hoạch đầy tham vọng nhằm bảo vệ các hệ sinh thái đang bị đe dọa nhất trên hành tinh.

Gặp gỡ Sentinels, một mạng lưới toàn cầu gồm các nhà hoạt động tuổi teen tận tụy với công tác bảo tồn thực tế. Không giống như các phong trào thanh thiếu niên trước đây dựa vào các cuộc biểu tình và chiến dịch truyền thông xã hội, nhóm này đang lao thẳng vào thực địa, xắn tay vào việc khôi phục môi trường sống mong manh. Tại rừng rậm Amazon của Peru, Mia Gutierrez, 16 tuổi, dẫn đầu một nhóm sinh viên tình nguyện đang tỉ mỉ trồng lại cây bản địa, từng loài một, để phục hồi những vùng đất bị phá rừng. Bên kia Thái Bình Dương, Liam Nakamura, 17 tuổi, hợp tác với các cộng đồng bản địa ở Indonesia, tìm hiểu kiến thức sinh thái truyền thống để cung cấp thông tin cho các hoạt động lâm nghiệp bền vững.

"Chúng ta không còn thời gian cho những hành động mang tính biểu tượng nữa", Mia tuyên bố. "Hành tinh đang trong cơn khủng hoảng và chúng ta cần những giải pháp thực sự được triển khai ngay bây giờ." Cảm giác cấp bách này thấm nhuần vào mọi sáng kiến của Sentinel, từ hệ thống giám sát động vật hoang dã công nghệ cao đến các dự án du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng. Các lập trình viên tuổi teen phát triển các ứng dụng theo dõi tiên tiến để phát hiện hoạt động săn trộm, trong khi các doanh nhân đầy tham vọng khởi nghiệp kinh doanh xanh cung cấp phương án sinh kế thay thế cho các ngành công nghiệp mang tính phá hoại.

Có lẽ ấn tượng nhất là khả năng của Sentinels trong việc thu hẹp khoảng cách giữa nghiên cứu khoa học và hành động thực tế. Đây là minh chứng cho thấy những cá nhân trẻ đang ứng dụng hiệu quả các nghiên cứu khoa học vào thực tiễn. Ella Zhao, một nhà sinh vật học biển mới 15 tuổi, dẫn đầu các dự án phục hồi san hô, kết hợp các nhà nghiên cứu tại trường đại học với các câu lạc bộ lặn biển địa phương để cấy ghép các mảnh san hô vào các rạn san hô bị ảnh hưởng. Trong khi đó, Jayden Tran điều phối mạng lưới các ngân hàng hạt giống do sinh viên điều hành, bảo tồn sự đa dạng di truyền của các loài thực vật có nguy cơ tuyệt chủng cho các nỗ lực phục hồi trong tương lai.

"Những người trẻ này không chỉ là những nhà lãnh đạo tương lai - họ là những nhà lãnh đạo ngay lúc này", Tiến sĩ Amara Sanchez, một nhà sinh vật học bảo tồn nổi tiếng, người cố vấn cho Sentinels, cho biết. "Niềm đam mê, sự sáng tạo và quyết tâm tuyệt đối của họ đang định nghĩa lại những điều có thể làm được trong cuộc chiến bảo vệ hành tinh của chúng ta."

Thật vậy, những thành tựu của Sentinels không chỉ giới hạn ở tác động đến môi trường. Bằng cách huy động bạn bè, họ đang bồi dưỡng một thế hệ người quản lý sinh thái mới, khơi gợi lòng trân trọng sâu sắc đối với thế giới tự nhiên và các kỹ năng để bảo vệ nó. Khi những nhà hoạt động trẻ này tốt nghiệp và theo đuổi những sự nghiệp đa dạng, họ mang theo tinh thần của Sentinels, tích hợp các nguyên tắc bảo tồn vào các lĩnh vực từ quy hoạch đô thị đến năng lượng tái tạo.

Trong thời điểm khủng hoảng môi trường đang lan rộng, Sentinels mang đến một tia hy vọng - bằng chứng cho thấy tuổi trẻ có thể là chất xúc tác cho sự thay đổi mang tính hệ thống trên diện rộng. Câu chuyện của họ là câu chuyện về niềm đam mê, sự đổi mới và cam kết không ngừng nghỉ trong việc bảo vệ những nơi hoang dã và các loài tạo nên sự trọn vẹn của hành tinh chúng ta.

The news is rarely uplifting when it comes to the state of our natural world. Rainforests burning, coral reefs bleaching, species vanishing at an unprecedented rate – the litany of environmental crises can feel overwhelming, even paralyzing. But amid the gloom, a new generation of eco-guardians is stepping up, armed with ambitious plans to safeguard the planet's ecosystems and endangered species.

Meet the Sentinels, a global network of teenage activists dedicated to hands-on conservation work. Unlike previous youth movements that relied on protests and social media campaigns, this cohort is diving directly into the field, **getting their hands dirty** to restore fragile habitats. In the Peruvian Amazon, 16-year-old Mia Gutierrez leads a team of student volunteers painstakingly replanting native trees, species by species, to revive deforested lands. Across the Pacific, 17-year-old Liam Nakamura collaborates with indigenous communities in Indonesia, learning traditional ecological knowledge to inform sustainable forestry practices.

"We don't have time for symbolic gestures anymore," Mia declares. "The planet is in crisis, and we need real solutions implemented right now." This sense of urgency **permeates** every Sentinel initiative, from high-tech wildlife monitoring systems to community-based ecotourism ventures. Teenage coders develop advanced tracking apps to detect poaching activity while aspiring entrepreneurs launch green businesses that provide livelihood alternatives to destructive industries.

[I] Perhaps most impressive is the Sentinels' ability to bridge the gap between scientific research and on-the-ground action. [II] Elia Zhao, a 15-year-old budding marine biologist, spearheads coral restoration projects, pairing university researchers with local scuba diving clubs to transplant coral fragments onto damaged reefs. [III] Meanwhile, Jayden Tran coordinates a network of student-run seed banks, preserving the genetic diversity of endangered plant species for future restoration efforts. [IV]

"These young people aren't just future leaders – they're leaders right now," says Dr. Amara Sanchez, a renowned conservation biologist who mentors the Sentinels. "Their passion, creativity, and sheer determination are redefining what's possible in the fight to protect our planet."

Indeed, the Sentinels' achievements extend far beyond environmental impact. By mobilizing their peers, they are cultivating a new generation of eco-stewards, instilling a deep appreciation for the natural world and the skills to defend it. As these young activists graduate and pursue diverse careers, they carry the Sentinels' ethos with them, integrating conservation principles into fields ranging from urban planning to renewable energy.

In a time of overwhelming environmental crises, the Sentinels offer a glimmer of hope – proof that youth can be the catalysts for large-scale, systemic change. Their story is one of passion, innovation, and an unwavering commitment to safeguarding the wild places and species that make our planet whole.

(Adapted from Euronews.com)

Question 31 (698739): According to the passage, which of the following is **NOT** mentioned as a Sentinel activity?
A. Coral transplanting B. Tree replanting C. Wildlife tracking D. Climate protesting

Theo đoạn văn, hoạt động nào sau đây KHÔNG được đề cập đến như một hoạt động của Sentinel?

- A. cấy ghép san hô
- B. trồng lại cây
- C. theo dõi động vật hoang dã
- D. phản đối biến đổi khí hậu

Căn cứ vào thông tin:

- Ella Zhao, a 15-year-old budding marine biologist, spearheads coral restoration projects, pairing university researchers with local scuba diving clubs to transplant coral fragments onto damaged reefs. (*Ella Zhao, một nhà sinh vật học biển mới 15 tuổi, dẫn đầu các dự án phục hồi san hô, kết hợp các nhà nghiên cứu tại trường đại học với các câu lạc bộ lặn biển địa phương để **cấy ghép các mảnh san hô vào các rạn san hô bị ảnh hưởng***) ⇒ **đáp án A được đề cập.**

- In the Peruvian Amazon, 16 year-old Mia Gutierrez leads a team of student volunteers painstakingly replanting native trees, species by species, to revive deforested lands. (*Tại rừng rậm Amazon của Peru, Mia Gutierrez, 16 tuổi, dẫn đầu một nhóm sinh viên tình nguyện đang tỉ mỉ **trồng lại cây bản địa**, từng loài một, để phục hồi những vùng đất bị phá rừng*) ⇒ **đáp án B được đề cập.**

- This sense of urgency permeates every Sentinel initiative, from high-tech wildlife monitoring systems to community-based ecotourism ventures. (*Cảm giác cấp bách này thấm nhuần vào mọi sáng kiến của Sentinel, từ **hệ thống giám sát động vật hoang dã công nghệ cao** đến các dự án du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng*) ⇒ **đáp án C được đề cập.**

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 32 (698740): Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 1?
A. Media reports on the natural world's state are typically disheartening rather than encouraging.

- B. Uplifting reports about environmental conditions are rare due to the severity of current crises.
- C. The news seldom presents an optimistic perspective given the current state of the natural world.
- D. Rather than being uplifting, news about the environment is usually discouraging and gloomy.

Câu nào sau đây diễn giải lại câu được gạch chân trong đoạn 1 một cách phù hợp nhất?

Xét câu được gạch chân ở đoạn 1: **The news is rarely uplifting when it comes to the state of our natural world.** (*Tin tức hiếm khi lạc quan khi nói đến tình trạng thế giới tự nhiên của chúng ta*).

- A. Các báo cáo của phương tiện truyền thông về tình trạng của thế giới tự nhiên thường gây nản lòng hơn là khích lệ ⇒ Đáp án A không phù hợp do không sát nghĩa so với câu gốc.
 - B. Các báo cáo lạc quan về điều kiện môi trường rất hiếm do mức độ nghiêm trọng của các cuộc khủng hoảng hiện tại ⇒ Đáp án B không phù hợp do không sát nghĩa so với câu gốc.
 - C. Tin tức hiếm khi đưa ra góc nhìn lạc quan xét đến tình trạng hiện tại của thế giới tự nhiên ⇒ Đáp án C phù hợp do sát nghĩa so với câu gốc.
 - D. Thay vì lạc quan, tin tức về môi trường thường gây nản lòng và u ám ⇒ Đáp án D không phù hợp do không sát nghĩa so với câu gốc.
- Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 33 (698741): The phrase "**getting their hands dirty**" in paragraph 2 could best be replaced by _____.

- A. engaging directly
- B. working temporarily
- C. starting actively
- D. participating early

Cụm từ "getting their hands dirty" trong đoạn 2 có thể được thay thế tốt nhất bằng _____.

- A. engaging directly: tham gia trực tiếp
- B. working temporarily: làm việc tạm thời
- C. starting actively: bắt đầu một cách tích cực
- D. participating early: tham gia sớm

Căn cứ vào thông tin: Unlike previous youth movements that relied on protests and social media campaigns, this cohort is diving directly into the field, **getting their hands dirty** to restore fragile habitats. (*Không giống như các phong trào thanh thiếu niên trước đây dựa vào các cuộc biểu tình và chiến dịch truyền thông xã hội, nhóm này đang lao thẳng vào thực **địa, xắn tay vào** việc khôi phục môi trường sống mong manh*).

⇒ **getting their hands dirty:** bắt tay vào làm, tham gia vào mọi khía cạnh của công việc mà không ngần ngại khó khăn ~ **engaging directly**

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 34 (698742): Which of the following best summarizes paragraph 2?

- A. Young volunteers are engaging in direct conservation through some local community projects.
- B. The Sentinels implement hands-on fieldwork strategies instead of focusing on social media awareness campaigns.
- C. The Sentinels are tackling environmental challenges through their practical conservation efforts.
- D. A global network of teenage activists is taking direct action to balance the endangered ecosystem.

Câu nào sau đây tóm tắt đúng nhất đoạn 2?

- A. Các tình nguyện viên trẻ đang tham gia vào hoạt động bảo tồn trực tiếp thông qua một số dự án cộng đồng địa phương.
- B. Sentinels thực hiện các chiến lược thực địa thay vì tập trung vào các chiến dịch nâng cao nhận thức trên mạng xã hội.
- C. Nhóm Sentinels đang giải quyết các thách thức môi trường thông qua những nỗ lực bảo tồn thực tiễn của họ.
- D. Một mạng lưới thanh thiếu niên hoạt động toàn cầu đang hành động trực tiếp để cân bằng hệ sinh thái đang bị đe dọa.

Căn cứ vào thông tin đoạn 2: Meet the Sentinels, **a global network of teenage activists dedicated to hands-on conservation work.** Unlike previous youth movements that relied on protests and social media campaigns, **this cohort is diving directly into the field, getting their hands dirty to restore fragile habitats.** (*Gặp gỡ Sentinels, một mạng lưới toàn cầu gồm các nhà hoạt động tuổi teen tận tụy với công tác bảo tồn thực tế. Không giống như các phong trào thanh thiếu niên trước đây dựa vào các cuộc biểu tình và chiến dịch truyền thông xã hội, nhóm này đang lao thẳng vào thực địa, xắn tay vào việc khôi phục môi trường sống mong manh*).

⇒ Đoạn 2 mô tả về nhóm Sentinels (những thanh niên bảo vệ môi trường), họ đang tham gia trực tiếp vào các hoạt động bảo tồn thực tế. Đoạn này nhấn mạnh cách mà nhóm này đi "dive directly into the field" và thực hiện công việc bảo tồn như trồng cây, phục hồi các hệ sinh thái bị phá hủy, thay vì chỉ tham gia các hoạt động mang tính biểu tượng như biểu tình hay chiến dịch truyền thông xã hội.

Đáp án C:

"Tackle environmental challenges" phản ánh nhiệm vụ của nhóm Sentinels, đó là đối phó với các thách thức môi trường.

"Through hands-on conservation efforts" nhấn mạnh rằng họ tham gia vào công việc bảo tồn thực tế, như đã đề cập trong đoạn văn khi nói về việc nhóm dive into the field và getting their hands dirty (làm việc trực tiếp).

Điều này hoàn toàn phù hợp với nội dung đoạn văn. Do đó đáp án C là hợp lý.

Question 35 (698743): The word "**permeates**" in paragraph 3 is closest in meaning to ____.

- A. pervades
- B. concentrates
- C. divides
- D. restrains

Từ "permeates" trong đoạn 3 có nghĩa gần nhất với _____.

- A. pervades - pervade /pə'veɪd/ (v): toả khắp, tràn ngập khắp (hương thơm); lan tràn khắp, thâm nhập khắp (ảnh hưởng, tư tưởng)
- B. concentrates - concentrate /'kɒn.sən.treɪt/ (v): tập trung
- C. divides - divide /dɪ'vaɪd/ (v): chia nhỏ, chia ra
- D. restrains - restrain /rɪ'streɪn/ (v): kiểm soát, hạn chế

Căn cứ vào thông tin: This sense of urgency permeates every Sentinel initiative, from high-tech wildlife monitoring systems to community-based ecotourism ventures. (*Cảm giác cấp bách này thấm nhuần vào mọi sáng kiến của Sentinel, từ hệ thống giám sát động vật hoang dã công nghệ cao đến các dự án du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng*).

⇒ permeates ~ pervades

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 36 (698744): Where in paragraph 4 does the following sentence best fit?

It is a testament to how young individuals are effectively translating scientific research into practical applications.

- A. [I]
- B. [II]
- C. [III]
- D. [IV]

Câu sau đây phù hợp nhất ở đâu trong đoạn 4?

It is a testament to how young individuals are effectively translating scientific research into practical applications. (*Đây là minh chứng cho thấy những cá nhân trẻ đang ứng dụng hiệu quả các nghiên cứu khoa học vào thực tiễn*).

- A. [I]
- B. [II]
- C. [III]
- D. [IV]

Xét vị trí [II]: Perhaps most impressive is the Sentinels' ability to bridge the gap between scientific research and on-the-ground action. [II] (*Có lẽ ấn tượng nhất là khả năng của Sentinels trong việc thu hẹp khoảng cách giữa nghiên cứu khoa học và hành động thực tế. [II]*).

⇒ Ta thấy câu văn trước vị trí [II] đề cập đến khả năng thu hẹp khoảng cách giữa nghiên cứu khoa học và hành động thực tế của Sentinels ⇒ câu văn của đề bài ở vị trí [II] là hợp lí, nó bổ nghĩa cho câu trước, tiếp nối nội dung câu trước khi nói rằng họ đã ứng dụng hiệu quả các nghiên cứu khoa học vào thực tiễn.

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 37 (698745): The word "**Their**" in paragraph 5 refers to _____.

- A. The students
- B. Biologists
- C. Our planet
- D. Young people

Từ "Their" trong đoạn 5 ám chỉ ____.

- A. The students: Sinh viên
- B. Biologists – Biologist /baɪˈɒl.ə.dʒɪst/ (n): nhà sinh vật học
- C. Our planet: Hành tinh của chúng ta
- D. Young people: Những người trẻ

Căn cứ vào thông tin: "These young people aren't just future leaders - they're leaders right now," says Dr. Amara Sanchez, a renowned conservation biologist who mentors the Sentinels. "**Their** passion, creativity, and sheer determination are redefining what's possible in the fight to protect our planet." (*"Những người trẻ này không chỉ là những nhà lãnh đạo tương lai - họ là những nhà lãnh đạo ngay lúc này", Tiến sĩ Amara Sanchez, một nhà sinh vật học bảo tồn nổi tiếng, người cố vấn cho Sentinels, cho biết. "Niềm đam mê, sự sáng tạo và quyết tâm tuyệt đối của họ đang định nghĩa lại những điều có thể làm được trong cuộc chiến bảo vệ hành tinh của chúng ta."*).

⇒ **Their ~ Young people**

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 38 [698746]: What can be inferred from the passage?

- A. Youth conservation programs rely on digital campaigns to achieve environmental impact.
- B. Traditional ecological knowledge will ensure current environmental preservation work.
- C. Student research projects have shown better results in some conservation initiatives.
- D. Some of the Sentinels' initiatives translate scientific knowledge into concrete solutions.

Có thể suy ra điều gì từ đoạn văn?

- A. Các chương trình bảo tồn của thanh thiếu niên dựa vào các chiến dịch kỹ thuật số để đạt được tác động môi trường.
- B. Kiến thức sinh thái truyền thống sẽ đảm bảo công tác bảo tồn môi trường hiện tại.
- C. Các dự án nghiên cứu của sinh viên đã cho thấy kết quả tốt hơn trong một số sáng kiến bảo tồn.
- D. Một số sáng kiến của nhóm Sentinels chuyển hóa kiến thức khoa học thành các giải pháp cụ thể.

Đoạn văn nhấn mạnh rằng, "Perhaps most impressive is the Sentinels' ability to bridge the gap between scientific research and on-the-ground action." (*Tạm dịch: "Điều ấn tượng nhất có lẽ là khả năng của Sentinels trong việc thu hẹp khoảng cách giữa nghiên cứu khoa học và hành động thực tế."*) ⇒ cho thấy rằng Sentinels có thể chuyển đổi kiến thức khoa học thành các giải pháp cụ thể. Ví dụ về việc áp dụng kiến thức khoa học vào giải pháp cụ thể:

Đoạn văn mô tả, "Ella Zhao, a 15-year-old budding marine biologist, spearheads coral restoration projects, pairing university researchers with local scuba diving clubs to transplant coral fragments onto damaged reefs." (*Tạm dịch: "Ella Zhao, một nhà sinh học biển tương lai 15 tuổi, dẫn đầu các dự án phục hồi san hô bằng cách ghép các nhà nghiên cứu đại học với các câu lạc bộ lặn biển địa phương để cấy các mảnh san hô lên các rạn san hô bị hư hại."*). Ví dụ này minh họa việc áp dụng nghiên cứu khoa học vào giải pháp thực tế.

"Teenage coders develop advanced tracking apps to detect poaching activity, while aspiring entrepreneurs launch green businesses that provide livelihood alternatives to destructive industries." (*"Những lập trình viên tuổi teen phát triển các ứng dụng theo dõi tiên tiến để phát hiện hoạt động săn trộm, trong khi các doanh nhân trẻ sáng lập các doanh nghiệp xanh cung cấp các lựa chọn sinh kế thay thế cho các ngành công nghiệp hủy hoại."*) ⇒ Dựa vào công nghệ, "teenage coders" và "aspiring entrepreneurs" đã áp dụng nó để tạo ra các phương pháp bảo tồn "advanced tracking apps to detect poaching activity" và "green businesses"

Như vậy đáp án D là hợp lý.

Question 39 [698747]: Which of the following is **TRUE** according to the passage?

- A. Young coders develop digital technologies to identify illegal hunting practices.
- B. Student volunteers focus their efforts on marine ecosystem restoration projects.
- C. Indigenous communities lead sustainable forestry programs in tropical regions.
- D. Environmental activists conduct their research through university partnerships.

Theo đoạn văn, câu nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Các lập trình viên trẻ phát triển công nghệ số để xác định các hoạt động săn bắt bất hợp pháp.
- B. Các sinh viên tình nguyện tập trung nỗ lực của họ vào các dự án phục hồi hệ sinh thái biển
- C. Các cộng đồng bản địa lãnh đạo các chương trình lâm nghiệp bền vững ở các vùng nhiệt đới
- D. Các nhà hoạt động vì môi trường tiến hành nghiên cứu của họ thông qua quan hệ đối tác với trường đại học

Căn cứ vào thông tin:

-Teenage coders develop advanced tracking apps to detect poaching activity, while aspiring entrepreneurs launch green businesses that provide livelihood alternatives to destructive industries.

(Các lập trình viên tuổi teen phát triển các ứng dụng theo dõi tiên tiến để phát hiện hoạt động săn trộm, trong khi các doanh nhân đầy tham vọng khởi nghiệp kinh doanh xanh cung cấp phương án sinh kế thay thế cho các ngành công nghiệp mang tính phá hoại) ⇒ đáp án A đúng.

- Các đáp án còn lại không được đề cập.

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 40 [698748]: Which of the following best summarizes the passage?

- A. The Sentinels network shows how teenage activists employ innovative solutions by blending fieldwork with digital tracking tools to combat environmental degradation.
- B. Young environmentalists combine scientific knowledge with hands-on conservation, working alongside local communities to protect threatened ecosystems.
- C. Modern youth conservation movements focus on direct habitat restoration rather than awareness campaigns to address environmental crises.
- D. Student conservationists bridge research and implementation by partnering with scientific experts and indigenous knowledge holders.

Câu nào sau đây tóm tắt đúng nhất đoạn văn này?

- A. Mạng lưới Sentinels cho thấy cách các nhà hoạt động tuổi teen sử dụng các giải pháp sáng tạo bằng cách kết hợp công tác thực địa với các công cụ theo dõi kỹ thuật số để chống lại sự suy thoái môi trường.
- B. Các nhà môi trường trẻ kết hợp kiến thức khoa học với hoạt động bảo tồn thực tế, làm việc cùng với cộng đồng địa phương để bảo vệ các hệ sinh thái đang bị đe dọa.
- C. Các phong trào bảo tồn của thanh thiếu niên hiện đại tập trung vào việc phục hồi môi trường sống trực tiếp thay vì các chiến dịch nâng cao nhận thức để giải quyết các cuộc khủng hoảng môi trường.
- D. Các nhà bảo tồn sinh viên kết nối nghiên cứu và triển khai bằng cách hợp tác với các chuyên gia khoa học và người nắm giữ kiến thức bản địa.

Căn cứ vào thông tin:

- But amid the gloom, a new generation of eco-guardians is stepping up, armed with ambitious plans to safeguard the planet's most endangered ecosystems. *(Nhưng giữa bối cảnh u ám đó, một thế hệ người bảo vệ sinh thái mới đang đứng lên, mang trong mình những kế hoạch đầy tham vọng nhằm bảo vệ các hệ sinh thái đang bị đe dọa nhất trên hành tinh).*
- Meet the Sentinels, a global network of teenage activists dedicated to hands-on conservation work. *(Gặp gỡ Sentinels, một mạng lưới toàn cầu gồm các nhà hoạt động tuổi teen tận tụy với công tác bảo tồn thực tế).*
- Across the Pacific, 17-year-old Liam Nakamura collaborates with indigenous communities in Indonesia, learning traditional ecological knowledge to inform sustainable forestry practices. *(Bên kia Thái Bình Dương, Liam Nakamura, 17 tuổi, hợp tác với các cộng đồng bản địa ở Indonesia, tìm hiểu kiến thức sinh thái truyền thống để cung cấp thông tin cho các hoạt động lâm nghiệp bền vững).*
- Perhaps most impressive is the Sentinels' ability to bridge the gap between scientific research and on-the-ground action. *(Có lẽ ấn tượng nhất là khả năng của Sentinels trong việc thu hẹp khoảng cách giữa nghiên cứu khoa học và hành động thực tế).*
- Ella Zhao, a 15-year-old budding marine biologist, spearheads coral restoration projects, pairing university researchers with local scuba diving clubs to transplant coral fragments onto damaged reefs. *(Ella Zhao, một nhà sinh vật học biển mới 15 tuổi, dẫn đầu các dự án phục hồi san hô, kết hợp các nhà nghiên cứu tại trường đại học với các câu lạc bộ lặn biển địa phương để cấy ghép các mảnh san hô vào các rạn san hô bị ảnh hưởng).*
- In a time of overwhelming environmental crises, the Sentinels offer a glimmer of hope - proof that youth can be the catalysts for large-scale, systemic change. *(Trong thời điểm khủng hoảng môi trường đang lan rộng, Sentinels mang đến một tia hy vọng - bằng chứng cho thấy tuổi trẻ có thể là chất xúc tác cho sự thay đổi mang tính hệ thống trên diện rộng).*

⇒ Ta thấy đoạn văn nói rằng các nhà môi trường trẻ, các nhà hoạt động tuổi teen hình thành nên một mạng lưới toàn cầu có tên Sentinels để bảo vệ các hệ sinh thái đang bị đe dọa nhất trên hành tinh. Họ đã thực hiện nhiều dự án, thu hẹp khoảng cách giữa nghiên cứu khoa học và hành động thực tế để phục hồi các hệ sinh thái mong manh, đồng thời, một vài dự án của họ cũng kết hợp với các cộng đồng, câu lạc bộ địa phương để thúc đẩy việc bảo tồn của mình.

Do đó, B là đáp án phù hợp.